TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/TCDS-ST
Ngày: 30 - 5 - 2019
V/v: Tranh chấp lối đi chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Nguyễn Ngọc Chinh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa*:** Ông Lại Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2018/TLST-TCDS ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp lối đi chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-TCDS ngày 17 tháng 5 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Đ (tên gọi khác Nguyễn Thị Râng), sinh năm 1950; địa chỉ: Xóm 8, xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Phạm Văn Đ1, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 8, xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 20/12/2018); có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1948 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1950; cùng địa chỉ: Xóm 8, xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Hoàng Thị H: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1948; địa chỉ: Xóm 8, xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/12/2018); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Phạm Thị M, sinh năm 1972; vắng mặt;

2. Chị Phạm Thị S, sinh năm 1976; vắng mặt;

3. Chị Phạm Thị V, sinh năm 1979; vắng mặt;

4. Chị Phạm Thị L, sinh năm 1982; vắng mặt;

5. Anh Phạm Văn Đ1, sinh năm 1984; vắng mặt;

6. Anh Phạm Văn B1, sinh năm 1987; vắng mặt;

7. Chị Phạm Thị S1, sinh năm 1990; vắng mặt;

8. Chị Vũ Thị Th, sinh năm 1992; vắng mặt;

9. Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1985; vắng mặt;

10. Anh Phạm Văn T2, sinh năm 1991; vắng mặt;

11. Chị Vũ Thị D, sinh năm 1992; vắng mặt;

12. Chị Đỗ Thị M1, sinh năm 1995; vắng mặt;

13. Anh Phạm Văn T3, sinh năm 1997; vắng mặt;

Cùng có địa chỉ: Xóm 8, xã Hải Trung, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Văn B1, chị Vũ Thị Th, chị Phạm Thị M, chị Phạm Thị S, chị Phạm Thị L, chị Phạm Thị S1: Anh Phạm Văn Đ1, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 8, xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định (Văn bản ủy quyền ngày 20/12/2018); có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Văn T1, anh Phạm Văn T3, chị Đỗ Thị M1, chị Vũ Thị D: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1948; địa chỉ: Xóm 8, xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định (Văn bản ủy quyền ngày 26/12/2018); có mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Hoàng Văn V1, sinh năm 1939; Địa chỉ: Xóm 8, xã HT, huyện HH; vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/6/2018 của bà Phạm Thị Đ và quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn Đ1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Phạm Văn Đ (đã chết ngày 03/01/2018) và ông Phạm Văn T là anh em ruột, ở hai thổ đất liền kề nhau tại Xóm 8, xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định. Nguồn gốc đất của ông Đ và đất của ông T sử dụng đều là đất do cha ông để lại.

Tại bản đồ địa chính năm 1985 (bản đồ 299), đã ghi nhận ông Đ được sử dụng diện tích 464m^2 tại thửa số 289, hộ ông T chưa có tên trên bản đồ. Tại bản đồ địa chính năm 1997, ông Đ được sử dụng diện tích 500m^2 tại thửa 248 tờ bản đồ số 6 xã Hải Trung và đã được UBND huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 971765 ngày 02/01/1997 mang tên chủ hộ ông Phạm Văn Đ. Năm 2018, ông Đ tách thửa cho con trai là Phạm Văn B1 diện tích 105m^2 và anh B1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/4/2018, thửa số 713, tờ bản đồ số 6; còn lại 395m^2 là thửa số 714, tờ bản đồ số 6 đứng tên bà Đ thì bà Đ và anh Đ1 là con trai đã xây nhà ở, hiện đang sử dụng. Ông T cũng chia đất cho hai con trai là anh T2 và anh T1 xây nhà ở.

Trước đây giữa đất của ông Đ và ông T có 01 ngõ đi chung ở phía Nam ra đường xóm gồm hai đoạn, đoạn bên trong nằm giữa đất hai nhà dài 10m, rộng khoảng 1,5m; đoạn ngoài đi ra đường xóm giáp đất ông V1 dài 15m, rộng 2m. Tại bản đồ địa chính xã Hải Trung năm 1997 đã thể hiện ngõ đi chung này, hai gia

đình vẫn sử dụng ngõ này để đi lại. Đến khi xóm đổ bê tông đường dong phía Bắc, hộ bà Đ và các con xây nhà quay hướng Bắc chủ yếu đi ngõ phía Bắc nên ít sử dụng ngõ đi chung phía Nam với hộ ông T nên ông T sử dụng ngõ đi này, không cho gia đình bà Đ sử dụng nên hai bên xảy ra tranh chấp từ năm 2012. UBND xã Hải Trung đã hòa giải, xuống đo đạc và căn cứ vào hồ sơ địa chính vẽ sơ đồ ngõ đi chung, ông T đã ký xác nhận không có ý kiến gì. Từ đầu năm 2018 đến nay, sau khi ông Đ qua đời, ông T tự ý xây quây toàn bộ diện tích đất ngõ đi chung bằng gạch bi và lợp mái Prôximăng để chăn nuôi gia súc, gia cầm nên đến nay hiện trạng ngõ đi không còn như trước, gia đình bà Đ không thể đi lại được.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án công nhận ngõ đi chung giữa gia đình bà Đ và gia đình ông T có diện tích, vị trí, kích thước theo như Biên bản xem xét, thẩm định do Tòa án đã lập và buộc gia đình ông T phải tháo rỡ toàn bộ phần xây dựng trả lại mặt bằng ngõ đi chung.

Tại bản tự khai ngày 26/12/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Ông thống nhất với nguyên đơn về mối quan hệ huyết thống gia đình, về nguồn gốc đất của gia đình ông và gia đình ông Đ được ông cha để lại. Ông T còn trình bày, ông và ông Đ được bố mẹ chia đất cho sử dụng riêng từ khoảng năm 1970. Khi đó đường dong phía Bắc chưa mở rộng, gia đình ông và gia đình ông Đ sử dụng chung ngõ đi của gia đình có từ trước ở giữa đất hai nhà đi ra đường xóm ở phía Nam giáp đất ông V1, chỉ biết ngõ rộng khoảng 2m, dài bao nhiêu ông không biết. Khi chia đất bố ông (cụ Khơi) có nói đất ngõ đi thuộc về ông. Năm 1997 ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích bao nhiêu ông không nhớ, ông không biết trên hồ sơ địa chính của xã quản lý có thể hiện ngõ đi của gia đình ông hay không. Ông đã để cho gia đình ông Đ đi nhờ đất ngõ chia cho ông bình thường cho đến năm 2000 do mở đường dong phía Bắc gia đình ông Đ đi ngõ mới không đi ngõ cũ nên gần đây ông đã xây tường làm chuồng chăn nuôi gia cầm.

Thửa đất của ông đến nay đã chia tách cho hai con trai là anh Phạm Văn T1 và anh Phạm Văn T2 để xây nhà ở nhưng chưa làm thủ tục tách thửa theo pháp luật, hiện đất vẫn đứng tên ông. Đất của ông Đ cũng đã cho hai con trai là anh Đ1, anh B1 xây nhà ở đi ngõ hướng Bắc. Năm 2014, anh B1 xây nhà lấn sang đất nhà ông ở phần đất ngõ cũ nhưng ông không xác định được lấn diện tích bao nhiêu. Bà Đ có sang nói chuyện xin ông ký tên để làm thủ tục hồ sơ chuyển nhượng đất từ bà Đ cho anh B1, ông đồng ý ký nhưng yêu cầu bà Đ phải lấp ao trả đất cho ông. Việc anh B1 xây nhà lấn đất thì ông chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, sau này hai bên không thương lượng được ông sẽ khởi kiện sau.

Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu xác định lối đi chung tại phần đất phía Nam thổ nhà ông đang sử dụng chăn nuôi gia cầm thì ông không nhất trí vì đất ngõ cũ đã được bố mẹ chia cho ông sử dụng từ khoảng năm 1970. Nếu bà Đ lấp ao trả đất cho ông bị anh B1 xây nhà lấn sang thì ông đồng ý cho đi ngõ cũ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn B1, chị Phạm Thị M, chị Phạm Thị V, chị Phạm Thị S, chị Phạm Thị L, chị Phạm Thị Sinh, chị Vũ Thị Th ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án cho anh Phạm Văn Đ1.

Bị đơn bà Hoàng Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh anh Phạm Văn T1, chị Vũ Thị D, chị Đỗ Thị M1, anh Phạm Văn T2ển ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án cho ông Phạm Văn T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn T2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2019, người làm chứng ông Hoàng Văn V1 trình bày:

Ông V1 còn có họ hàng xa với ông T và ông Đ. Ông V1 đã sinh sống tại Xóm 8, xã Hải Trung từ khoảng năm 1950 đến nay. Thửa đất của ông V1 có mặt phía Bắc giáp đất bà Đ (ở phía trong) và giáp ngõ đi phía Nam đất ông T đi vào nhà bà Đ (ở phía ngoài). Ông biết nguồn gốc đất bà Đ và các con đang ở hiện nay là của cụ Khơi (bố đẻ ông Đ), còn nguồn gốc đất ông T và các con đang sử dụng hiện nay là của cụ Tiệp (anh trai cụ Khơi). Ngõ đi giáp phía Bắc đất nhà ông đã có từ khi ông còn nhỏ, do hai gia đình ông Đ, ông T cùng sử dụng, ông V1 không đi ngõ này. Hiện trạng ngõ trước đây gồm có hai đoạn, đoạn từ ngõ phía Tây vào hết thổ đất ông T, đoạn chạy dọc theo chiều Nam Bắc giữa thổ ông Đ và thổ ông T, chiều rộng ngõ khoảng hơn 01m, nền đất. Thời gian gần đây ông T sử dụng phần ngõ này làm chuồng trại chăn nuôi gia cầm. Nay bà Đ và ông T tranh chấp về phần đất ngõ đi này, ông không liên quan nên không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều Đ1 B1 đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Đ sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội D: Căn cứ các Điều 166, 170, 203 Luật Đất đai năm 2013 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ. Buộc ông Phạm Văn T phải trả lại diện tích 46m^2 là diện tích phần lối đi chung và tháo rỡ công trình xây dựng trên phần đất lấn chiếm, không cản trở việc sử dụng lối đi chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị Đ; bị đơn bà Hoàng Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn B1, chị Phạm Thị M, chị Phạm Thị S, chị Phạm Thị V, chị Phạm Thị Sinh, anh Phạm Văn T1, chị Đỗ Thị M1, chị Vũ Thị Th, chị Vũ Thị D, anh Phạm Văn T2ển vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa. Anh Phạm Văn T2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ, bà H, anh B1, chị M, chị S, chị V, chị Sinh, anh T1, chị M1, chị Th, chị D, anh T2, anh T2ển.

[2] Về nội D: Bà Phạm Thị Đ và ông Phạm Văn T sử dụng hai thửa đất liền kề nhau tại Xóm 8, xã Hải Trung, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; đều có nguồn gốc do ông cha để lại; hai hộ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997. Năm 2018, đất hộ bà Đ đã được tách thành hai thửa là thửa số 713, tờ bản đồ số 6 xã Hải Trung diện tích 105 m^2 đứng tên anh Phạm Văn B1, chị Vũ Thị Th (con bà Đ) và thửa số 714, tờ bản đồ số 6 xã Hải Trung diện tích 395m^2 vẫn đứng tên hộ ông Phạm Văn Đ (chồng bà Đ). Đất hộ ông T đã cho các con làm nhà ở nhưng vẫn đứng tên ông T là thửa số 247, tờ bản đồ số 6 xã Hải Trung diện tích 353m^2.

[3] Theo lời khai của nguyên đơn thì giáp đất bà Đ và ông T có một lối đi chung gồm hai đoạn một đầu ở khoảng giữa đất hai nhà đi về phía Nam giáp đất ông V1 ra đường xóm. Trước đây gia đình bà Đ vẫn sử dụng lối đi này. Đến khi xóm mở rộng đường dong phía Bắc đổ bê tông thì gia đình bà Đ xây nhà quay hướng Bắc và chủ yếu đi đường dong phía Bắc. Đến năm 2012, bà Đ và ông T tranh chấp lối đi chung, UBND xã Hải Trung đã hòa giải tiến hành đo đạc và căn cứ hồ sơ địa chính vẽ sơ đồ ngõ đi chung cho hai gia đình sử dụng, ông T đã ký tên. Năm 2018, ông T tự ý xây tường gạch bi, lợp mái Phibroximăng làm chuồng chăn nuôi gia cầm trên phần đất ngõ đi chung. Bị đơn ông Phạm Văn T xác nhận trước đây có lối đi ở phía Nam đất nhà ông, gia đình bà Đ có sử dụng lối đi này ra đường xóm từ khoảng trước năm 2000, khi xóm mở rộng đường dong phía Bắc bằng bê tông thì gia đình bà Đ không đi nữa. Ông T cho rằng lối đi thuộc đất của ông được chia khi được bố đẻ chia đất cho hai anh em sử dụng từ khoảng năm 1970, ông chỉ cho gia đình ông bà Đ đi nhờ. T2 nhiên ông T không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

[4] Kết quả đo đạc thực tế thì thửa đất số 247 của hộ ông T đang sử dụng bao gồm cả phần đất lối đi đang tranh chấp có tổng diện tích 527m^2 nhưng ông T chỉ được cấp giấy chứng nhận đối với diện tích 353m^2, có chênh lệch diện tích tăng thêm 174m^2. Thửa đất số 248 của hộ bà Đ (nay tách thành hai thửa là thửa số 713 và 714) có tổng diện tích đo thực tế là 527m^2, so với giấy chứng nhận đã cấp thì hộ bà Đ đang sử dụng đất tăng thêm 27m^2.

[5] Căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/3/2019 và các tài liệu do Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hải Hậu cung cấp thể hiện: Tại bản đồ địa chính xã Hải Trung lập năm 1997, tờ bản đồ số 6 có thể hiện lối đi công cộng giáp các thửa đất của hộ ông Đ, hộ ông T và hộ ông V1 (cụ thể là các thửa số 247, 248 và 274) có kích thước lần lượt là: Cạnh Bắc giáp đất ông T dài 1,7m; cạnh Đông giáp đất anh B1 và bà Đ dài 10,2m; cạnh Nam giáp đất ông V1 dài 14,1m; cạnh Tây giáp đất ông T và đường xóm lần lượt là 8,4m + 13,1m + 2,17m; tổng diện tích là 46m^2. Phần diện tích đất lối đi trên không nằm trong diện tích đất cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Đ và hộ ông T. Tại bản đồ địa chính xã Hải Trung chỉnh lý năm 2018, tờ bản đồ số 6 sau khi thửa đất 248 của hộ bà Đ đã tách thành hai thửa là thửa số 713 đứng tên anh B1, chị Th và thửa số 714 đứng tên bà Đ vẫn thể hiện có lối đi công cộng giáp giáp đất hai gia đình như tại bản đồ lập năm 1997. Ông T cũng thừa nhận có ký tên chủ hộ liền kề khi đo đạc xác định ranh giới, mốc giới để bà Đ làm thủ tục tách thửa cho anh B1. Người làm chứng ông

Hoàng Văn V1 cũng xác nhận trước đây có lối đi chung của gia đình bà Đ và gia đình ông T sử dụng giáp phía Bắc đất nhà ông, ông V1 không sử dụng lối đi này.

[6] Từ các phân tích trên có cơ sở khẳng định giữa hộ bà Phạm Thị Đ và hộ ông Nguyễn Văn T có lối đi chung ở phía Nam, giáp đất ông V1 nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

[7] Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 22/01/2019, trên diện tích đất tranh chấp lối đi chung, ông Phạm Văn T đã xây một bức tường bi xỉ cao 1,4m, dài 12m (giá trị còn lại 3.575.000đ) và lán tạm xây bi, lợp prôximăng không còn giá trị sử dụng. Xét việc ông T xây dựng công trình trên diện tích đất lối đi chung làm cản trở việc đi lại, sinh hoạt của các hộ lân cận trong đó có hộ bà Đ là trái pháp luật. Vì vậy, cần buộc ông T phải phá dỡ bỏ bức tường và lán tạm đã xây dựng, thu dọn đồ đạc, gia súc, gia cầm để trả lại mặt bằng lối đi chung. T2 bức tường bi xỉ ông T xây dài 12m nhưng chỉ có 10,2m nằm trên đất lối đi chung nên chỉ cần buộc tháo rỡ 10,2m tường là phù hợp pháp luật.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Văn T có ý kiến cho rằng anh Phạm Văn B1 (con bà Đ) xây nhà đã lấn chiếm ranh giới đất nhà ông T, yêu cầu bà Đ phải trả đất ao mới đồng ý cho sử dụng ngõ đi phía Nam. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho ông T quyền làm đơn phản tố nhưng ông T không thực hiện nên Tòa án không xem xét giải quyết là phù hợp pháp luật.

[9] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Văn T, bà Hoàng Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Bà Phạm Thị Đ không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[10] Về quyền kháng cáo: Các Đ sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 254 Bộ luật Dân sự; khoản 10 Điều 12, Điều 166, Điều 170 và Điều 203 Luật đất đai; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ về yêu cầu xác nhận lối đi chung đối với ông Phạm Văn T, bà Hoàng Thị H.

2. Xác nhận phần đất diện tích 46m^2 có tứ cận như sau: cạnh Bắc giáp đất ông T dài 1,7m; cạnh Đông giáp đất bà Đ và anh B1 dài 10,2m; cạnh Nam giáp đất ông V1 dài 14,1m; cạnh Tây giáp đất ông T và đường xóm gồm các đoạn lần lượt là 8,4m + 13,1m + 2,17m; là lối đi chung của bà Phạm Thị Đ và ông Phạm Văn T, bà Hoàng Thị H.

(Có sơ đồ kèm theo).

3. Buộc ông Phạm Văn T, bà Hoàng Thị H phải tháo rỡ bức tường xây ngăn trên lối đi chung có chiều dài 10,2m; chiều cao 1,4m (tính từ vị trí giáp đất ông V1 đến giáp đất ông T) và phần mái lợp Phibrôximăng làm cản trở việc sử dụng lối đi chung của hộ bà Phạm Thị Đ.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Buộc ông Phạm Văn T, bà Hoàng Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại bà Phạm Thị Đ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2016/0000254 ngày 21/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Đ sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T2ên án; Đ sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải Trung;
- Đ sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trung Kiên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Chinh **Đỗ Việt Hùng**